

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠNH TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **15** /NQ-HĐND

Thanh Trị, ngày **07** tháng **11** năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh, bổ sung dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm  
giai đoạn 2021-2025, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ  
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 12 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5743/BKHĐT-TH ngày 14/8/2019 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định việc phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trị về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 29/5/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trị về giao bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/06/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trị về bổ sung, điều chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Thông báo số 289-TB/HU ngày 30/8/2023 của Ban Thường vụ Huyện uỷ Thanh Trì về thông báo kế luận của Ban Thường vụ Huyện uỷ,

Xét Tờ trình số 1436/TTr-UBND ngày 20/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận và thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện, cụ thể như sau:

1. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn tăng thu năm 2022 với tổng số vốn là 3.576 triệu đồng, bố trí cho 02 danh mục dự án.

2. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương là 124.063 triệu đồng, trong phạm vi kế hoạch vốn trên như sau:

- Điều chỉnh giảm với tổng số vốn là 7.654 triệu đồng với 10 dự án.

- Điều chỉnh tăng với tổng số vốn là 7.654 triệu đồng với 05 dự án.

3. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn Tiết kiệm chi năm 2022 đã hạch toán chi chuyên nguồn ngân sách huyện năm 2022 sang năm 2023 là 26.042 triệu đồng, trong phạm vi kế hoạch vốn trên như sau:

- Điều chỉnh giảm 11/18 công trình với tổng vốn là 847 triệu đồng

- Bổ sung 01 công trình với tổng vốn là 847 triệu đồng.

4. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách huyện đối ứng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số là 4.535,531 triệu đồng, như sau:

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, điều chỉnh tăng 387,128 triệu đồng.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, điều chỉnh giảm 22,8 triệu đồng (Công trình Lộ áp Xóm Tro 1 (Nhà ông Trần Văn Ân - nhà ông Thạch Mừng); điều chỉnh tăng 22,8 triệu đồng (Công trình Cầu kênh Huyện Tự).

Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách huyện đối ứng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số sau điều chỉnh bổ sung là 4.922,659 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 1, 2, 3, 4 đính kèm).

### **Điều 2.**

1. Giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật. Khi có điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công. Quá trình chỉ đạo triển khai thực hiện nếu có điều chỉnh, bổ sung phải thông báo cho Thường trực Hội đồng nhân dân huyện báo cáo Hội đồng nhân dân huyện trong kỳ họp gần nhất để điều chỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này bổ sung Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021, đồng thời thay thế Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 05/7/2022 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 29/5/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thạnh Trị.

**Điều 3.** Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Thạnh Trị khóa XII, kỳ họp thứ 12 (chuyên đề) thông qua ngày 07 tháng 11 năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- TT.HĐND-UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT.Huyện uỷ, TT.UBND huyện;
- Thành viên UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- TT.UB.MTTQ huyện;
- Phòng Tư pháp;
- VP.Huyện uỷ; UBND huyện;
- TT.HĐND-UBND các xã (TT);
- Lưu: VT, NC



**CHỦ TỊCH**

**Sơn Sương**



**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Nguồn tăng thu năm 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 07/11/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trì)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Đã bố trí từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2022			Kế hoạch năm 2023			Ghi chú			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT tư được duyệt		Tổng số		Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số		Trong đó		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn tăng thu năm 2022			Vốn khác	Tổng số		Nguồn tăng thu năm 2022	Vốn khác			Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			
	<b>TỔNG SỐ</b>					5.700	3.576		3.576				3.576						
○	<b>Nguồn tăng thu năm 2022</b>					5.700	3.576	0	3.576	0	0	0	3.576						
	<b>NGÀNH, LĨNH VỰC: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>					4.900	2.776		2.776				2.776						
1	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>																		
2	<b>Thực hiện dự án</b>					4.900	2.776		2.776				2.776						
2.1	Xây dựng khu B của Huyện uỷ	TT Phú Lộc		2023-2024		4.900	2.776		2.776				2.776						
	<b>NGÀNH, LĨNH VỰC: QUỐC PHÒNG</b>					800	800		800				800						
1	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>																		
2	<b>Thực hiện dự án</b>					800	800		800				800						
2.1	Nâng cấp trụ sở, nhà ăn - nghỉ xã đội 04 xã thuộc an toàn khu (xã Vĩnh Lợi, Vĩnh Thành, Lâm Tân, Lâm Kiệt)	xã Vĩnh Lợi, Vĩnh Thành, Lâm Tân, Lâm Kiệt		2023		800	800		800				800						



**CHI TIẾT DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025  
VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số: 15./NQ-HĐND ngày 07./11/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trì)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
	<b>Tổng số</b>		<b>141.463</b>	<b>141.463</b>	<b>4.624</b>	<b>3.030</b>	<b>7.654</b>	<b>141.463</b>	<b>141.463</b>	
*	<b>Nguồn cân đối ngân sách huyện</b>		<b>124.063</b>	<b>124.063</b>	<b>4.624</b>	<b>3.030</b>	<b>7.654</b>	<b>124.063</b>	<b>124.063</b>	
I	<b>Kế hoạch năm 2021</b>		<b>22.009</b>	<b>22.009</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22.009</b>	<b>22.009</b>	
1	Lộ cống sau nhà ông Thống, ấp 1	thị trấn Phú Lộc	537	537				537	537	
2	Lộ Ông Cuội nối tiếp (ấp Thanh Điền)	thị trấn Phú Lộc	161	161				161	161	
3	Lộ từ nhà Liêu Sơn đến nhà Thạch Thị Xoàn	thị trấn Hưng Lợi	826	826				826	826	
4	Cầu Trụ sở ấp Tràm Kiến	xã Châu Hưng	962	962				962	962	



Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
5	Lộ Ông Đàn - ông Bắc	xã Vĩnh Thành	1.121	1.121				1.121	1.121	
6	Lộ từ nhà Út nghĩa đến nhà ông Bảy Cười	xã Thạnh Trị	1.152	1.152				1.152	1.152	
7	Lộ Rạch Chóc	xã Tuân Tức	985	985				985	985	
8	Lộ Tân Lộc - Kiệt Nhất B (nhà ông Khuê)	xã Lâm Tân	880	880				880	880	
9	Lộ từ cống Kiệt Lợi số 09 đến cống Kiệt Lợi số 10	xã Lâm Kiệt	638	638				638	638	
10	Lộ từ cống Kiệt Lợi số 10 đến giáp Lâm Tân	xã Lâm Kiệt	636	636				636	636	
11	Nhà SHCD áp Kinh Ngay 1	thị trấn Hưng Lợi	317	317				317	317	
12	Hội trường UBND xã Vĩnh Lợi	xã Vĩnh Lợi	2.500	2.500				2.500	2.500	
13	SLMB khu hành chính UBND huyện, huyện Thạnh Trị	thị trấn Phú Lộc	992	992				992	992	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
14	Kho lưu trữ UBND huyện, huyện Thạnh Trị	thị trấn Phú Lộc	2.000	2.000				2.000	2.000	
15	SLMB Trụ sở Đảng ủy, UBND xã Vĩnh Thành	xã Vĩnh Thành	1.072	1.072				1.072	1.072	
16	SLMB Trụ sở Đảng ủy, UBND xã Lâm Kiết	xã Lâm Kiết	1.102	1.102				1.102	1.102	
17	Trụ sở UBND xã Thạnh Tân	xã Thạnh Tân	266	266				266	266	
18	Trụ sở UBND xã Tuân Tức	xã Tuân Tức	367	367				367	367	
19	Trụ sở Đảng ủy, UBND thị trấn Phú Lộc	thị trấn Phú Lộc	408	408				408	408	
20	Xây dựng rãnh thoát nước, vỉa hè đường Trần Văn Bảy	thị trấn Phú Lộc	3.814	3.814				3.814	3.814	
21	Hàng rào phòng Nông nghiệp & PTNT huyện, huyện Thạnh Trị	thị trấn Phú Lộc	996	996				996	996	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
22	Cầu nhà ông Lâm Kel - lộ Xóm Tro 1	thị trấn Hưng Lợi	277	277				277	277	
<b>II</b>	<b>Kế hoạch năm 2022</b>		<b>22.009</b>	<b>22.009</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22.009</b>	<b>22.009</b>	
23	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng 05 ấp: ấp 3, ấp Nàng Rền; ấp Rẫy Mới; Công Điền; Bào Lớn	TT Phú Lộc	1.873	1.873		0	0	1.873	1.873	
23.1	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Nàng Rền, Bào Lớn	TT Phú Lộc	813	813				813	813	
23.2	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp 3, Rẫy Mới, Công Điền	TT Phú Lộc	1.060	1.060				1.060	1.060	
24	Via hè khu vực ấp 3	TT Phú Lộc	890	890				890	890	
25	Nâng cấp hẻm 8	TT Phú Lộc	1.736	1.736				1.736	1.736	
26	Lộ Bào Cát - Quang Vinh (làm mới đoạn còn lại từ nhà ông Quang - nhà ông Luôn)	TT Hưng Lợi	2.023	2.023				2.023	2.023	



Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
27	Đường lộ 13-23 (Nối tiếp)	xã Châu Hưng	1.907	1.907				1.907	1.907	
28	Lộ nhà ông Đản - ông Ngoan - ông Ty	xã Vĩnh Thành	2.126	2.126				2.126	2.126	
29	Cầu Mây Dóc	xã Thạnh Trị	2.352	2.352				2.352	2.352	
30	Lộ Cầu Trắng - Lâm Trường	xã Thạnh Tân	680	680				680	680	
31	Cầu Lý Bươt (nối tiếp cầu chùa đến Sông Lớn)	xã Tuân Tức	2.332	2.332				2.332	2.332	
32	Lộ Mương Điều (Cầu 8 Ta - nhà ông Vọng)	xã Lâm Tân	2.043	2.043				2.043	2.043	
33	Lộ Kiệt Thắng- Kiệt Thống	xã Lâm Kiệt	2.310	2.310				2.310	2.310	
34	Nâng cấp đường Trần Phú	thị trấn Phú Lộc	877	877				877	877	02 nguồn vốn
35	Nâng cấp đường dẫn từ Quốc lộ 1A vào công viên	thị trấn Phú Lộc	860	860				860	860	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
III	Kế hoạch năm 2023		26.683	26.683	0	2.430	847	28.266	28.266	Kế hoạch năm 2023: 23.131 trđ
36	Nâng cấp sửa chữa Nhà văn hóa ấp, nhà sinh hoạt cộng đồng ấp: - Nhà SHCĐ ấp Trung Thống - Nhà SHCĐ ấp Trung Thành - Nhà SHCĐ ấp Tân Định - Nhà SHCĐ ấp Trung Bình	xã Tuân Tức	743	743				743	743	
37	Lộ cầu Bào Lớn (phía bên sông)	TT Phú Lộc	1.608	1.608				1.608	1.608	
38	Xây dựng cầu bê tông tuyến kênh Thạnh Điền - Bào Lớn (thay cầu treo)	TT Phú Lộc	1.667	1.667				1.667	1.667	02 nguồn : Thu tiền sử dụng đất 226 triệu
39	Lộ kênh Ba Sơn nối tiếp	xã Thạnh Tân	2.153	2.153				2.153	2.153	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
40	Làm bờ kè và nâng cấp láng sân chợ Tuân Tứ	xã Tuân Tứ	965	965				965	965	
41	Cầu 10 Trọc áp 15	xã Vĩnh Lợi	1.119	1.119				1.119	1.119	
42	Nâng cấp, cải tạo Hội trường Ban thường vụ Huyện ủy và Ban tổ chức Huyện ủy	TT Phú Lộc	972	972				972	972	
43	Lộ Kênh Mướp Lớn	xã Thanh Tân	1.754	1.754				1.754	1.754	
44	Nâng cấp đường, vỉa hè xung quanh công viên cũ	TT Phú Lộc	539	539				539	539	
45	Lộ từ cầu áp 23, Vĩnh Thắng - trường Tiểu học Vĩnh Thắng	xã Vĩnh Thành	3.080	3.080		2.430		5.510	5.510	2023-2024
46	Cầu Tà Niên	xã Thạnh Trị	876	876				876	876	
47	Lộ Kinh Ngay 2 - Xóm Tro 2 - Quang Vinh	xã Châu Hưng	6.840	6.840			847	5.993	5.993	2023-2024
48	Cầu Kênh Nhỏ	xã Vĩnh Lợi	349	349				349	349	

7

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
49	Nâng cấp khu C	TT Phú Lộc	2.098	2.098				2.098	2.098	
50	Nâng cấp sân, đường, thoát nước khu A, B trụ sở UBND huyện	TT Phú Lộc	993	993				993	993	
51	Nâng cấp Sân, đường, thoát nước trụ sở Huyện ủy	TT Phú Lộc	927	927				927	927	
<b>IV</b>	<b>Kế hoạch 2024-2025</b>		<b>53.362</b>	<b>53.362</b>	<b>4.624</b>	<b>600</b>	<b>6.807</b>	<b>51.779</b>	<b>51.779</b>	
52	Lộ tuyến kênh KT13, từ Trần Văn Bảy đến hộ Nguyễn Thanh Hùng	TT Phú Lộc	500	500				500	500	
53	Lộ Phú Tân (làm mới bên trái từ chùa Ông Bồn đến giáp ranh Tuấn Túc)	TT Phú Lộc	2.250	2.250			2.250	-	-	Tạm hoãn
54	Lộ Phú Tân mở rộng (cấp sông bên phải giáp Tuấn Túc)	TT Phú Lộc	3.780	3.780			200	3.580	3.580	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
55	Lộ Bào Lớn (làm mới nối tiếp lộ nhà 4 Đẹp)	TT Phú Lộc	750	750				750	750	
56	Cầu Bào Lớn (giáp áp Chắc Đốt)	TT Phú Lộc	0		2.500			2.500	2.500	Theo CV số 218/UBND ngày 29/08/2023 của UBND TT Phú Lộc
57	Lộ áp Số 8 (làm mới đoạn còn lại từ nhà ông Thạch Bịp - nhà ông Trương Thanh Phong)	TT Hưng Lợi	2.475	2.475			2.087	388	388	Tạm hoãn. Không điều chỉnh quy mô phù hợp chuẩn nông thôn mới theo ý kiến BTV
58	Làm mới lộ áp Số 8 từ nhà ông Ngô Sang - Danh Hiến (Giáp đình Số 8)	TT Hưng Lợi	2.340	2.340			390	1.950	1.950	
59	Làm mới lộ cặp kênh Chợ Cũ	TT Hưng Lợi	990	990				990	990	
60	Lộ từ nhà ông Nhơn - nhà ông Ngộ	xã Châu Hưng	3.960	3.960				3.960	3.960	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
61	Lộ 10 Điều- ông Chạy, ấp 16/2	xã Vĩnh Lợi	3.150	3.150				3.150	3.150	
62	Lộ Kênh 19/5 - ông đước, ấp 11	xã Vĩnh Lợi	3.630	3.630				3.630	3.630	
63	Lộ Kênh ông tà (4 Hà -2 ần ), ấp 16/2	xã Vĩnh Lợi	2.700	2.700			400	2.300	2.300	
64	Lộ 4 có - 6 Nho, ấp 14	xã Vĩnh Lợi	1.289	1.289				1.289	1.289	
65	Lộ Trường Mẫu giáo cũ nối tiếp ấp 22	xã Vĩnh Thành	3.630	3.630			1.005	2.625	2.625	
66	Đường ấp X2 - X7 A nối tiếp (Nhà Út Nghĩa - nhà ông 7 cười)	xã Thạnh Trị	600	600			450	1.050	1.050	Theo CV 65/UBND ngày 04/08/2023 của UBND xã Thạnh Trị đề xuất tăng chiều rộng để phù hợp chuẩn nông thôn mới
67	Cầu Lung Húc	xã Thạnh Trị	750	750			150	900	900	
68	Đường ra trạm bơm kênh ông Chính (kênh 2 Tài)	xã Thạnh Trị	900	900				900	900	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
69	Cầu Kênh Xóm Cá	xã Thạnh Trị	900	900				900	900	
70	Hàng Rào UBND xã (cao 3m)	xã Thạnh Trị	2.080	2.080				2.080	2.080	
71	Lộ kênh Xóm cá (bên sông)	ấp 21, xã Thạnh Tân	3.500	3.500			300	3.200	3.200	
72	Đường lộ Trung Thống - Phú Giao nối tiếp, Cầu Hai Khai dài 40m	xã Tuân Tức	2.250	2.250			75	2.175	2.175	
73	Xây dựng khu B của Huyện uỷ				2.124			2.124	2.124	2023-2024 (Để sắp xếp lại nơi làm việc cho Ban Tổ chức Huyện uỷ)- (Vốn CĐNSDP, tăng thu)
74	Đường lộ Rạch Chóc nối tiếp	xã Tuân Tức	2.610	2.610				2.610	2.610	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
75	Lộ đal Sakeo (cầu Thanh Niên - nhà Ông Lùng)	xã Lâm Tân	3.565	3.565			100	3.465	3.465	
76	Cầu kênh ông Thái	xã Lâm Tân	1.140	1.140				1.140	1.140	
77	Cầu kênh 14/9 (nhà ông Chín Khai)	xã Lâm Tân	1.330	1.330				1.330	1.330	
78	Lộ Liên áp Kiết Bình-Kiết Thống	xã Lâm Kiết	2.293	2.293				2.293	2.293	



Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
*	Vốn thu tiền sử dụng đất		17.400	17.400	0	0	0	17.400	17.400	
I	Kế hoạch năm 2021		1.200	1.200	0	0	0	1.200	1.200	
1	Lộ 14/9 ( bên sông), xã Thạnh Tân	xã Thạnh Tân	1.200	1.200				1.200	1.200	
II	Kế hoạch năm 2022		2.400	2.400		0	0	2.400	2.400	
1	Lộ Cầu Chùa đến Sông Lớn (nối tiếp)	xã Tuân Tức	1.287	1.287				1.287	1.287	
2	Cầu Lộ 14/9 (bên sông)	xã Thạnh Tân	990	990				990	990	
3	Nâng cấp đường Trần Phú	thị trấn Phú Lộc	123	123				123	123	02 nguồn vốn
III	Kế hoạch năm 2023		3.000	3.000	0	0	0	3.000	3.000	
1	Bờ kè xã Vĩnh Thành	xã Vĩnh Thành	997	997				997	997	
2	Nâng cấp Đường 30/4 và cải tạo một số tuyến đường chợ thị trấn Phú Lộc	TT Phú Lộc	1.777	1.777				1.777	1.777	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú	
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)				
3	Xây dựng cầu bê tông tuyến kênh Thạnh Điền - Bào Lớn (thay cầu treo)	TT Phú Lộc	226	226				226	226	02 nguồn vốn	
<b>IV</b>	<b>Kế hoạch năm 2024-2025</b>		<b>10.800</b>	<b>10.800</b>			-	-	<b>10.800</b>	<b>10.800</b>	
1	Mở rộng lộ Tám Dũng ấp 3	TT Phú Lộc	1.200	1.200				1.200	1.200		
2	Lộ Bình Thới	xã Châu Hưng	2.520	2.520				2.520	2.520		
3	Lộ Kim Cù - trường học Vĩnh Thắng	xã Vĩnh Thành	1.479	1.479				1.479	1.479		
4	Đường Kênh Xóm Cá B (Nhà Thầy Thảo bên sông) (bề rộng 2m)	xã Thạnh Trị	600	600				600	600		
5	Lộ Liên ấp Kiết Bình-Kiết Thống	xã Lâm Kiết	5.001	5.001				5.001	5.001	02 nguồn vốn	



Phụ lục 3

## CHI TIẾT DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

**Nguồn Tiết kiệm chi năm 2022 đã hạch toán chi chuyển nguồn ngân sách huyện năm 2022 sang năm 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số: 15.../NQ-HĐND ngày 07/11/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trì)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 04/NQ-HĐND ngày 29/05/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tiết kiệm chi	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tiết kiệm chi	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
	<b>Tổng số</b>		26.042	26.042	847	0	847	26.042	26.042	
A	<b>NGÀNH, LĨNH VỰC: GIAO THÔNG</b>		10.156	10.156	0	0	39	10.117	10.117	
1	Chuẩn bị đầu tư									
2	Thực hiện dự án		10.156	10.156	0	0	39	10.117	10.117	
*	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025		10.156	10.156	0	0	39	10.117	10.117	
-	Dự án C		10.156	10.156	0	0	39	10.117	10.117	
2.1	Xây dựng Bờ kè, thoát nước và hệ thống chiếu sáng trung tâm xã Thanh Tân	xã Thanh Tân	2.923	2.923				2.923	2.923	



Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 04/NQ-HĐND ngày 29/05/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tiết kiệm chi	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tiết kiệm chi	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
2.2	Duy tu, sửa chữa Đường huyện 61 và lắp đặt biển báo, gờ giảm tốc một số tuyến đường huyện Thạnh Trị	huyện Thạnh Trị	3.673	3.673				3.673	3.673	
2.3	Duy tu, sửa chữa Đường huyện 63	huyện Thạnh Trị	1.880	1.880				1.880	1.880	
2.4	Duy tu, sửa chữa Đường Bào Lớn	huyện Thạnh Trị	575	575			13	562	562	
2.5	Duy tu, sửa chữa Đường Vĩnh Thành (đoạn từ đường 937B đến giáp Đường huyện 65)	huyện Thạnh Trị	1.105	1.105			26	1.079	1.079	
<b>B</b>	<b>NGÀNH, LĨNH VỰC: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>		<b>4.956</b>	<b>4.956</b>	<b>847</b>	<b>0</b>	<b>194</b>	<b>5.609</b>	<b>5.609</b>	
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>									
<b>2</b>	<b>Thực hiện dự án</b>		<b>4.956</b>	<b>4.956</b>	<b>847</b>	<b>0</b>	<b>194</b>	<b>5.609</b>	<b>5.609</b>	
2.1	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Thanh tra	thị trấn Phú Lộc	850	850			68	782	782	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 04/NQ-HĐND ngày 29/05/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tiết kiệm chi	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tiết kiệm chi	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
2.2	Nâng cấp, sửa chữa Phòng Tài Nguyên - Môi trường và Nhà làm việc bến xe Phú Lộc	thị trấn Phú Lộc	730	730			60	670	670	
2.3	Nâng cấp sân đường, thoát nước Trung tâm chính trị các Ban Đảng và nhà ăn Huyện ủy Thạnh Trị	thị trấn Phú Lộc	1.200	1.200				1.200	1.200	
2.4	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở Đảng ủy - UBND xã Vĩnh Lợi	xã Vĩnh Lợi	1.176	1.176			39	1.137	1.137	
2.5	Cải tạo trụ sở Đảng ủy - UBND thị trấn Hưng Lợi	thị trấn Hưng Lợi	1.000	1.000			27	973	973	
2.6	Lộ Kinh Ngay 2 - Xóm tro 2 - Quang Vinh	Xã Châu Hưng			847			847	847	Vốn CĐNSDP, tiết kiệm chi năm 2022
<b>C</b>	<b>NGÀNH, LĨNH VỰC: GIÁO DỤC</b>		<b>4.134</b>	<b>4.134</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>138</b>	<b>3.996</b>	<b>3.996</b>	
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>									
<b>2</b>	<b>Thực hiện dự án</b>		<b>4.134</b>	<b>4.134</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>138</b>	<b>3.996</b>	<b>3.996</b>	

11/05/2023

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 04/NQ-HĐND ngày 29/05/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tiết kiệm chi	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tiết kiệm chi	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
2.1	Xây dựng phòng chức năng Trường mầm non Hoa Hồng	thị trấn Phú Lộc	2.334	2.334			138	2.196	2.196	
2.2	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Vĩnh Lợi	xã Vĩnh Lợi	1.800	1.800				1.800	1.800	
<b>D</b>	<b>NGÀNH, LĨNH VỰC: VĂN HÓA</b>		<b>3.761</b>	<b>3.761</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>476</b>	<b>3.285</b>	<b>3.285</b>	
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>							-	-	
<b>2</b>	<b>Thực hiện dự án</b>		<b>3.761</b>	<b>3.761</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>476</b>	<b>3.285</b>	<b>3.285</b>	
2.1	Xây dựng công chào Tân Lợi, B1 và Cải tạo Nhà Văn hóa xã Thạnh Tân	xã Thạnh Tân	950	950			22	928	928	
2.2	Xây dựng công chào cầu Tây Nhỏ và cầu Bờ Tây xã Vĩnh Lợi	xã Vĩnh Lợi	1.000	1.000			387	613	613	
2.3	Nâng cấp, sửa chữa Tượng đài, hàng rào, thoát nước Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Thạnh Trị	huyện Thạnh Trị	811	811			43	768	768	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 04/NQ-HĐND ngày 29/05/2023		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tiết kiệm chi	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tiết kiệm chi	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
2.4	Xây dựng nhà vệ sinh nhà sinh hoạt cộng đồng xã Thanh Tân, xã Vĩnh Lợi	xã Thanh Tân, xã Vĩnh Lợi	1.000	1.000			24	976	976	
E	<b>NGÀNH, LĨNH VỰC: THỂ DỤC, THỂ THAO</b>		<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	
1	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>									
2	<b>Thực hiện dự án</b>		<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	
2.1	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Văn hóa thể thao xã Vĩnh Lợi	xã Vĩnh Lợi	2.000	2.000				2.000	2.000	
F	<b>NGÀNH, LĨNH VỰC: HẠ TẦNG, KỸ THUẬT</b>		<b>1.035</b>	<b>1.035</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.035</b>	<b>1.035</b>	
1	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>									
2	<b>Thực hiện dự án</b>		<b>1.035</b>	<b>1.035</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.035</b>	<b>1.035</b>	
2.1	Lắp đặt đèn trang trí nội ô thị trấn Phú Lộc	thị trấn Phú Lộc	1.035	1.035				1.035	1.035	





**CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025  
NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN ĐỐI ƯNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN  
KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ**

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 07/11/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trì)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại NQ 11/NQ-HĐND ngày 30/06/2023			Dự kiến điều chỉnh kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Ngân sách huyện		Ngân sách huyện	
			NSTW	NSDP	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	<b>TỔNG SỐ</b>	53.767,796	49.232,265	4.535,531	409,928	22,800	4.922,659	
I	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>	23.528,078	21.741,098	1.786,980	387,128	0,000	2.174,108	
1	Hỗ trợ đất ở	2.390,690	2.173,355	217,335			217,335	
2	Hỗ trợ nhà ở	17.266,099	15.696,454	1.569,645	387,128		1.956,773	
3	Hỗ trợ đất sản xuất	3.871,289	3.871,289	-			-	
II	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>	30.239,718	27.491,167	2.748,551	22,800	22,800	2.748,551	
	<b>Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>	30.239,718	27.491,167	2.748,551	22,800	22,800	2.748,551	
	<b>Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu ở ấp, xã đặc biệt khó khăn</b>	30.239,718	27.491,167	2.748,551	22,800	22,800	2.748,551	
	<b>Năm 2022</b>	5.815,962	5.287,238	528,724	0,000	0,000	528,724	





ST T	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại NQ 11/NQ-HĐND ngày 30/06/2023			Dự kiến điều chỉnh kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Ngân sách huyện		Ngân sách huyện	
			NSTW	NSĐP	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1	Cầu Kênh Thầy 9	845,000	768,182	76,818			76,818	
2	Cầu Ông Ngọn	845,000	768,182	76,818			76,818	
3	Cầu ông Kha Mết	845,000	768,182	76,818			76,818	
4	Cầu Kênh nhà ông Thái	704,649	640,590	64,059			64,059	
5	Lộ áp Giồng Chùa (Từ cầu Chùa - nhà Lý Sương)	260,000	236,363	23,637			23,637	
6	Lộ áp Số 8 (Nhà ông Thạch Lện - Nhà Lâm Sơn)	1.560,000	1.418,182	141,818			141,818	
7	Cầu Kênh 8 Phước	756,313	687,557	68,756			68,756	2022-2023
	<b>Năm 2023</b>	<b>7.194,884</b>	<b>6.580,001</b>	<b>614,883</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>614,883</b>	
8	Lộ Thạch Kỳ	1.973,698	1.800,000	173,698			173,698	
9	Lộ Xóm Trong	666,973	636,364	30,609			30,609	
10	Cầu Kênh Kiệt Lợi	532,737	486,364	46,373			46,373	
11	Lộ áp Số 8 (Nhà ông Liêu Sơn - nhà ông Trần Đực)	1.838,208	1.680,000	158,208			158,208	
12	Lộ áp Số 9 (Từ cầu Thủ Mộ - nhà ông Danh Thành)	1.314,931	1.200,000	114,931			114,931	
13	Cầu Kênh ranh Kinh Ngay 2 - 23	868,337	777,273	91,064			91,064	2023-2024
	<b>Năm 2024-2025</b>	<b>17.228,872</b>	<b>15.623,928</b>	<b>1.604,944</b>	<b>22,800</b>	<b>22,800</b>	<b>1.604,944</b>	
14	Cầu Kênh 10 thước 1	1.140,000	1.036,000	104,000	-		104,000	



ST T	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại NQ 11/NQ-HĐND ngày 30/06/2023			Dự kiến điều chỉnh kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Ngân sách huyện		Ngân sách huyện	
			NSTW	NSĐP	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7
15	Cầu Kênh Huyện Tự	950,000	863,600	86,400	22,800		109,200	
16	Lộ Trung Thông - Tân Định	3.060,000	2.782,000	278,000		-	278,000	
17	Lộ ấp Kinh Ngay 1 (Từ nhà bà Lệ - giáp ấp Kinh Ngay 2)	1.890,000	1.718,000	172,000		-	172,000	
18	Lộ Kênh Ba Huê	2.130,772	1.905,328	225,444			225,444	
19	Lộ Kênh ông Cua	1.698,000	1.538,000	160,000			160,000	
20	Cầu Kênh nhà ông Út Em	570,000	518,000	52,000			52,000	
21	Lộ ấp Số 9 (Nhà ông Lưu Văn Giang - nhà ông Thạch Tròn)	247,000	224,000	23,000			23,000	
22	Lộ ấp Xóm Tro 1 (Nhà ông Trần Văn Ân - nhà ông Thạch Mừng)	3.870,000	3.518,000	352,000		22,800	329,200	
23	Lộ và cống thoát nước Hẻm 12 nối tiếp	1.673,100	1.521,000	152,100			152,100	

